

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - TP ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2026/DS-ST

Ngày: 17/8/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Thúy

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 305/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1173/2026/QĐXXST-DS ngày 03/8/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 1178/2026/QĐST-DS ngày 13/8/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP T V**. Trụ sở: Số 89 đường L, phường Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô C D – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, ông Lê Văn T là Chuyên viên xử lý nợ tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 64441114/2025/UQ-KHCN ngày 04/12/2025). Ông T có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Thùy T - sinh năm: 1979; CCCD số C1; Địa chỉ: đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2025 và sửa đổi bổ sung ngày 02/02/2026, Bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Ngô Thị Thùy T có 02 ký hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân với Ngân hàng TMCP T V, cụ thể như sau:

- Khoản vay thứ nhất: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN 2009112767415 ngày 17/9/2020; Hạn mức đề nghị: 183.750.000 đồng. Thời hạn cho vay 48 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 34%. Lãi suất quá hạn: áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi

suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

Sau khi nhận giải ngân, bà Trang đã trả được số tiền gốc 43.073.799 đồng; Lãi 67.810.943 đồng. Từ ngày 17/12/2021, bà Trang ngừng thanh toán theo cam kết tại hợp đồng nên Ngân hàng thông báo nợ và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Mặc dù Ngân hàng thông báo trả nợ nhưng bà Trang không thanh toán vì vậy tính đến ngày xét xử 17/8/2026 khoản vay phát sinh dư nợ như sau: Tổng nợ 488.209.840 đồng. Trong đó: Nợ gốc 140.676.201 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523 đồng; Lãi quá hạn 343.413.116 đồng.

- Khoản vay thứ hai: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 11/01/2021. Hạn mức 20.000.000 đồng; Loại thẻ MC LADY Credit; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng.; Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất thẻ của Vpbank quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng theo biểu lãi suất thẻ của Vpbank quy định theo từng thời kỳ

Quá trình sử dụng thẻ, bà Ngô Thị Thùy T đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là: 266.526.852 đồng, nộp lại số tiền là: 249.367.007 đồng; trong đó, trả gốc là: 246.554.236 đồng, trả lãi là: 2.350.421 đồng, trả phí là: 462.350 đồng. Còn lại 19.776.616 đồng, bà Trang dừng thanh toán từ ngày 07/04/2022, do đó Ngân hàng chuyển số dư nợ của thẻ qua lãi suất quá hạn và thông báo cho bà Trang thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Trang không thực hiện. Tính đến ngày xét xử 17/8/2026 khoản vay phát sinh dư nợ là 108.748.864 đồng. Trong đó: Nợ gốc 19.972.616 đồng; Lãi trong hạn 0 đồng; Lãi quá hạn 108.748.864 đồng

Do bà Ngô Thị Thùy T đã vi phạm cam kết trả nợ đối với Ngân hàng tại các hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng TMCP T V yêu cầu bà Ngô Thị Thùy T phải trả một lần cho tất cả các khoản nợ của hai hợp đồng tính đến ngày 17/8/2026 tổng dư nợ là 596.985.704 đồng. Trong đó: Nợ gốc 160.648.817 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523 đồng; Lãi quá hạn 432.189.364 đồng.

- Bà Ngô Thị Thùy T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/8/2026 cho đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ theo mức lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và quy định theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

*** Bị đơn bà Ngô Thị Thùy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhận được các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của bà về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T V.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP T V khởi kiện bà Ngô Thị Thùy T, sinh năm: 1979 Địa chỉ: tổ T, phường T, thành phố Đà Nẵng về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do đó, thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP T V đối với bị đơn bà Ngô Thị Thùy T thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Ngô Thị Thùy T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Trang không có mặt trong quá trình tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T V buộc bà Ngô Thị Thùy T phải trả cho Ngân hàng tổng dư nợ của các hợp đồng vay số tiền nợ tính đến ngày 17/8/2026 là 596.985.704 đồng. Trong đó: Nợ gốc 160.648.817 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523 đồng; Lãi quá hạn 432.189.364 đồng và buộc bà Ngô Thị Thùy T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/05/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ theo mức lãi suất đã cam kết tại các hợp đồng nêu trên thì thấy:

Bà Ngô Thị Thùy T có ký với Ngân hàng TMCP T V 02 hợp đồng tín dụng như sau:

- Khoản vay thứ nhất: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN 2009112767415 ngày 17/9/2020; Hạn mức đề nghị: 183.750.000 đồng. Khoản vay này bà Trang đã trả được số tiền gốc 43.073.799 đồng; Lãi 67.810.943 đồng. Từ ngày 17/12/2021, bà Trang ngừng thanh toán theo cam kết tại hợp đồng. Tính đến ngày xét xử 17/8/2026 khoản vay phát sinh dư nợ là 488.209.840 đồng. Trong đó: Nợ gốc 140.676.201 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523 đồng; Lãi quá hạn 343.413.116 đồng.

- Khoản vay thứ hai: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 11/01/2021. Hạn mức 20.000.000 đồng; Khoản vay này, bà Ngô Thị Thùy T đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là: 266.526.852 đồng, nộp lại số tiền là: 249.367.007 đồng; trong đó, trả gốc là: 246.554.236 đồng, trả lãi là: 2.350.421 đồng, trả phí là: 462.350 đồng. Còn lại 19.972.616 đồng, bà Trang dừng thanh toán từ ngày 07/04/2022. Tính đến ngày xét xử 17/8/2026 khoản vay phát sinh dư nợ là 108.748.864 đồng. Trong đó: Nợ gốc 19.972.616 đồng; Lãi trong hạn 0 đồng; Lãi quá hạn 108.748.864 đồng.

Xét thấy theo cam kết của bà Trang tại các hợp đồng về trách nhiệm thanh toán nợ gốc, các khoản nợ lãi, phí thì bà Trang phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của mình về các khoản vay theo đúng cam kết với Ngân hàng các điều khoản đã ký tại hợp đồng vay. Tuy nhiên theo bản sao kê Ngân hàng cung cấp thấy bà Trang vi phạm nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng đã thông báo do vậy Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bà Trang thanh toán toàn bộ gốc và các khoản lãi phát sinh là có cơ sở phù hợp các quy định pháp luật tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận buộc bà Trang phải thanh toán toàn bộ dư nợ của hai hợp đồng nêu trên tính đến ngày 17/8/2026 là 596.985.704 đồng. Trong đó: Nợ gốc 160.648.817 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523

đồng; Lãi quá hạn 432.189.364 đồng, cụ thể dư nợ từng khoản vay như sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN 2009112767415 ngày 17/9/2020. Dư nợ tính đến ngày 17/8/2026 là 488.209.840 đồng. Trong đó: Nợ gốc 140.676.201 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523 đồng; Lãi quá hạn 343.413.116 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 11/01/2021. Dư nợ tính đến ngày 17/8/2026 là 108.748.864 đồng. Trong đó: Nợ gốc 19.972.616 đồng; Lãi trong hạn 0 đồng; Lãi quá hạn 108.748.864 đồng

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP T V buộc bà Trang tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà bà Trang cam kết với Ngân hàng và phù hợp với Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Bà Ngô Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP T V với bà Ngô Thị Thùy T về tiền gốc và lãi phát sinh;

Tuyên xử:

1. Buộc bà Ngô Thị Thùy T phải trả cho Ngân hàng TMCP T V số tiền tính đến ngày 17/8/2026 tổng dư nợ các hợp đồng vay là 596.985.704 đồng (năm trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm lẻ bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc 160.648.817 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523 đồng; Lãi quá hạn 432.189.364 đồng, cụ thể dư nợ từng khoản vay như sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN 2009112767415 ngày 17/9/2020. Dư nợ tính đến ngày 17/8/2026 là 488.209.840 đồng. Trong đó: Nợ gốc 140.676.201 đồng; Lãi trong hạn 4.120.523 đồng; Lãi quá hạn 343.413.116 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 11/01/2021. Dư nợ tính đến ngày 17/8/2026 là 108.748.864 đồng. Trong

đó: Nợ gốc 19.972.616 đồng; Lãi trong hạn 0 đồng; Lãi quá hạn 108.748.864 đồng.

3. Bà Ngô Thị Thùy T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/08/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất mà bà Trang đã cam kết với Ngân hàng quy định tại các hợp đồng vay.

3. Về án phí:

- Bà Ngô Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.878.348 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T V số tiền tạm ứng án phí 12.898.155 đồng (*Mười hai triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0003360 ngày 07/4/2026 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/8/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND KV3 – Đà Nẵng;
- Chi cục THADS KV3 – Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân